

PHỤ LỤC II: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

DVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
1	Quốc Lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành)	2.700	1.600	1.200	800	Trảng Bom	3,43	-	-	-	3,00	
2	Đường 3/2	2.700	1.200	1.000	600	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
3	Đường từ 29 tháng 4	2.700	1.200	1.000	600	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
4	Đường 30 tháng 4					Trảng Bom	-	-	-	-		
	Đoạn từ đường 3/2 đến đường Hùng Vương	2.500	1.400	1.100	700	Trảng Bom	3,72	-	-	-	3,00	
	Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường An Dương Vương	1.800	1.000	800	500	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
5	Đường 19 tháng 8	1.000	700	500	400	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
6	Đường 2 tháng 9	2.200	1.200	900	600	Trảng Bom	-	-	-	-	3,50	
7	Đường An Dương Vương	2.000	1.000	700	500	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
8	Đường Bùi Thị Xuân	1.600	900	700	400	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
9	Đường Cách Mạng Tháng 8					Trảng Bom	-	-	-	-		
	Đoạn từ Lê Hồng Phong đến đường Trương Văn Bang	1.100	700	500	300	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
	Đoạn từ đường Trương Văn Bang đến đường Lê Duẩn	1.600	900	700	500	Trảng Bom	-	-	-	-	3,50	
10	Đường Điện Biên Phủ	1.100	700	500	300	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
11	Đường Đinh Tiên Hoàng					Trảng Bom	-	-	-	-		
	Đoạn từ QL1 đến đường Hùng Vương	1.800	1.200	800	500	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
	Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha)	1.600	900	700	500	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
	Đoạn từ đường An Dương Vương đến giáp xã Sông Trầu	900	600	400	300	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
12	Đường Hai Bà Trưng	1.350	700	500	400	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
13	Đường Hoàng Tam Kỳ	1.100	700	500	400	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
14	Đường Hoàng Việt	1.100	700	500	400	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
15	Đường Hùng Vương	2.100	1.200	900	600	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
16	Đường Huỳnh Văn Nghệ	1.000	900	600	400	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
17	Đường Lê Đại Hành					Trảng Bom	-	-	-	-		
	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Lý Nam Đế	1.100	600	500	300	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
	Đoạn còn lại	800	600	500	300	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
18	Đường Lê Duẩn	1.900	1.200	900	600	Trảng Bom	-	-	-	-	3,50	
19	Đường Lê Hồng Phong					Trảng Bom	-	-	-	-		
	Đoạn từ đường 29/4 đến đường 3/2	1.400	1.000	650	400	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
	Đoạn từ đường 3/2 đến đường Cách Mạng Tháng 8	1.200	800	450	350	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
20	Đường Lê Lai	1.350	700	500	400	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
21	Đường Lê Lợi	1.800	800	600	400	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
22	Đường Lê Quý Đôn	1.000	700	500	400	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
23	Đường Lê Văn Hưu	1.100	600	500	300	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
24	Đường Lý Nam Đế	1.600	800	600	400	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
25	Đường Lý Thái Tổ	1.600	600	500	300	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
26	Đường Lý Thường Kiệt	1.600	600	500	300	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
27	Đường Ngô Quyền	1.800	800	600	400	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
28	Đường Nguyễn Du	1.100	500	400	300	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
29	Đường Nguyễn Đức Cảnh	1.800	1.000	700	500	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
30	Đường Nguyễn Hoàng					Trảng Bom	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 1 A đến đường Hùng Vương	2.000	1.600	1.000	700	Trảng Bom	-	-	-	-	3,50	
	Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp xã Sông Trầu	1.200	1.000	600	400	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
31	Đường Nguyễn Huệ	1.800	1.300	1.000	700	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
32	Đường Nguyễn Hữu Cánh					Trảng Bom	-	-	-	-		

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
	Đoạn từ Ngô Quyền đến Đình Tiên Hoàng	2.700	1.300	1.000	600	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
	Đoạn từ trụ sở Hội người mù đến cây xăng Thành Thái	2.700	1.300	1.000	600	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
33	Đường Nguyễn Khuyến	1.100	500	400	300	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
34	Đường Nguyễn Sơn Hà	1.100	500	400	300	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
35	Đường Nguyễn Trãi	1.400	600	500	300	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
36	Đường Nguyễn Tri Phương	2.000	1.600	900	450	Trảng Bom	-	-	-	-	3,50	
37	Đường Nguyễn Văn Cừ	1.600	1.300	1.000	700	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
38	Đường Nguyễn Văn Huyền	1.200	800	600	400	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
39	Đường Nguyễn Văn Linh	2.100	1.300	1.000	600	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
40	Đường Phạm Văn Thuận	1.100	800	600	400	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
41	Đường Phan Chu Trinh	1.100	700	500	300	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
42	Đường Phan Đăng Lưu	1.800	1.000	700	500	Trảng Bom	-	-	-	-	3,50	
43	Đường Tạ Uyên	1.200	1.000	650	350	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
44	Đường Trần Nguyên Hân	1.600	900	600	400	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
45	Đường Trần Nhân Tông	1.350	600	400	300	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
46	Đường Trần Nhật Duật	1.250	800	600	400	Trảng Bom	-	-	-	-	3,30	
47	Đường Trần Phú	2.000	900	700	500	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
48	Đường Trần Quang Diệu	1.100	600	500	300	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
49	Đường Trường Chinh					Trảng Bom	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc Lộ 1 đến đường 2/9	2.700	1.600	900	600	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
	Đoạn tiếp theo đến đường Cách Mạng Tháng 8	1.200	800	600	350	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
50	Đường Trương Định	2.000	1.600	900	350	Trảng Bom	-	-	-	-	3,50	
51	Đường Trương Văn Bang	1.300	1.000	800	400	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
52	Đường cạnh Trường Mầu giáo Hoa Mai	1.300	1.000	650	350	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
53	Đường Đình Quang Ân (đường đất song song với đường Huỳnh Văn Nghệ)	1.200	900	600	350	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
54	Đường Trảng Bom - Đồi 61 (từ QL1A đến giáp ranh xã Đồi 61)	2.000	1.600	950	600	Trảng Bom	-	-	-	-	3,50	
55	Đường vào chợ Trảng Bom (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Phan Chu Trinh)	1.800	1.400	1.000	700	Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
56	Đường Hà Huy Giáp	1.100	900	650	350	Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
57	Đường Phan Bội Châu	1.100				Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
58	Đường song song với đường Nguyễn Huệ	1.100				Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
59	Đường song song với Phan Chu Trinh (đi qua chợ):	1.100				Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
60	Đường Hoàng Hoa Thám	1.100				Trảng Bom	-	-	-	-	4,00	
61	Đường Đặng Đức Thuật	1.100				Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	
62	Ba đường nhựa mặt tiền chợ Mới (đường bao quanh chợ)	1.800				Trảng Bom	-	-	-	-	3,00	